

Số: /QĐ-CDYT

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 8 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

V/v Điều chỉnh Quy định về mã tên lớp, mã số học sinh sinh viên  
trình độ trung cấp, cao đẳng của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ KHÁNH HÒA

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-CDYT ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo và Nghiên cứu khoa học.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mã tên lớp, mã số học sinh sinh viên các bậc, hệ và chuyên ngành đào tạo của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 355/QĐ-CDYT ngày 15/9/2023 của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa về việc ban hành Quy định về mã tên lớp, mã số học sinh sinh viên trình độ trung cấp, cao đẳng của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo và Nghiên cứu khoa học, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận: (VBĐT)**

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Phòng, Khoa;
- Lưu: VT, QLĐT&NCKH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Ngọc Thành**

**QUY ĐỊNH****Về mã tên lớp, mã số học sinh sinh viên trình độ trung cấp, cao đẳng  
của Trường cao đẳng Y tế Khánh Hoà***(Ban hành kèm theo Quyết định số / QĐ-CDYT ngày 28 tháng 8 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hoà)***I. QUY ĐỊNH VỀ MÃ TÊN LỚP:****1. Công thức mã hoá tên lớp:**

AABB.CCC.DE

Trong đó:

- “AA” là hai số cuối của năm bắt đầu khoá học, ghi bằng 02 ký tự số;
- “BB” là ký hiệu trình độ đào tạo, ghi bằng 02 ký tự chữ;
- “CCC” là ký hiệu ngành đào tạo, ghi từ 02 đến 04 ký tự chữ;
- “D” là ký hiệu khoá học, ghi từ 01 đến 02 ký tự số;
- “E” là ký hiệu lớp, ghi bằng 01 ký tự chữ, từ A đến Z (nếu có từ 02 lớp trở lên)

**Ví dụ:** + Mã tên lớp là **23CD.PHCN.6** được hiểu: Khoá 2023-2026, trình độ cao đẳng, ngành kỹ thuật Phục hồi chức năng, khóa 6.

+ Mã tên lớp là **23CD.DU.13A** được hiểu: Khoá 2023-2026, trình độ cao đẳng, ngành Dược, khóa 13, lớp A.

**2. Quy ước trình độ đào tạo:**

STT	Trình độ đào tạo	Mã trình độ đào tạo
1	Cao đẳng	CD
2	Trung cấp	TC
3	Liên thông cao đẳng	LT
4	Trung cấp văn bằng 2	VB

### 3. Quy ước ký hiệu ngành đào tạo:

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành đào tạo
1	Điều dưỡng	DD
2	Dược	DU
3	Hộ sinh	HS
4	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	XN
5	Kỹ thuật Hình ảnh y học	HA
6	Kỹ thuật Phục hình răng	PHR
7	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	PHCN
8	Y sỹ đa khoa	YS
9	Y học cổ truyền	YHCT

## II. QUY ĐỊNH VỀ MÃ SỐ HỌC SINH SINH VIÊN:

### 1. Công thức mã học sinh sinh viên:

AABCDDEEEFFF
--------------

Trong đó:

- “AA” là hai số cuối của năm bắt đầu khoá học, ghi bằng 02 ký tự số;
- “B” là ký hiệu trình độ đào tạo, ghi bằng 01 ký tự chữ;
- “C” là ký hiệu hệ đào tạo, ghi bằng 01 ký tự số;
- “DD” là ký hiệu mã ngành đào tạo, ghi bằng 02 ký tự chữ;
- “EEE” là ký hiệu khoá học và mã lớp, ghi bằng 03 ký tự số (*đối với lớp khoá học chỉ có 01 lớp*) hoặc 03 ký tự gồm số và chữ (*đối với lớp khoá học có từ 02 lớp trở lên*);
- “FFF” là ký hiệu số thứ tự mã sinh viên, ghi bằng 03 ký tự số;

**Ví dụ:** + Mã số học sinh sinh viên là **23C1PH006001** được hiểu: Khoá 2023-2026, trình độ cao đẳng, hệ chính quy, ngành kỹ thuật Phục hồi chức năng,

khóa 6, số thứ tự mã sinh viên 001.

+ Mã số học sinh sinh viên là **23C1DU13A001** được hiểu: Khoá 2023-2026, trình độ cao đẳng, hệ chính quy, ngành dược, khóa 13, lớp A, số thứ tự mã sinh viên 001.

## 2. Quy ước trình độ đào tạo:

STT	Trình độ đào tạo	Mã trình độ đào tạo
1	Cao đẳng	C
2	Trung cấp	T
3	Liên thông cao đẳng	L
4	Trung cấp văn bằng 2	V

## 3. Quy ước ký hiệu hệ đào tạo:

STT	Hệ đào tạo	Mã hệ đào tạo
1	Chính quy	1
2	Vừa làm vừa học	2

## 4. Quy ước ký hiệu ngành đào tạo:

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành đào tạo
1	Điều dưỡng	DD
2	Dược	DU
3	Hộ sinh	HS
4	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	XN
5	Kỹ thuật Hình ảnh y học	HA
6	Kỹ thuật Phục hình răng	PR
7	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	PH
8	Y sỹ đa khoa	YS
9	Y học cổ truyền	CT